



**MOORE AISC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN**

## MỤC LỤC

----- oOo -----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

---

m.s.d.N.  
K  
QUA

300  
CÓ  
CÓ  
MÁI  
SÀ  
3-T

# CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300520465 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 4 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 02 năm 2026.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty là công ty cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty

Sản xuất, kinh doanh mắt kính và dụng cụ quang học về mắt.

**Tên tiếng anh:** SAIGON OPTIC COMPANY.

**Tên viết tắt:** SAIGON OPTIC CO.

**Trụ sở chính:** 86-90 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Nguyễn Văn Vĩ	Chủ tịch HĐQT	Ngày 10/5/2025
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Chủ tịch HĐQT	Ngày 10/5/2025
Ông Trần Đức Thắng	Phó Chủ tịch	Ngày 10/5/2025
Bà Lưu Thị Nhung	Phó Chủ tịch	Ngày 10/5/2025
Ông Huỳnh Tiến Long	Thành viên	Ngày 10/5/2025
Bà Trần Thị Huyền	Thành viên	Ngày 10/5/2025
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên	Ngày 10/5/2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Ngày 10/5/2025
Bà Lê Thị Kiều	Thành viên	Ngày 10/5/2025
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên	Ngày 10/5/2025
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	Ngày 10/5/2025
Bà Nguyễn Bạch Phượng	Trưởng ban	Ngày 10/5/2025
Ông Lê Tấn Cường	Thành viên	
Bà Thái Thùy Trang	Thành viên	Ngày 10/5/2025

**3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

	<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Văn Vĩ	Tổng Giám đốc	Ngày 10/5/2025
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 29/5/2025
Bà Lê Thị Kiều	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 29/5/2025
Bà Lưu Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01/7/2025
<b>Kế toán trưởng</b>		
Ông Bùi Sĩ Tiến	Kế toán trưởng	Ngày 27/8/2025
Bà Trần Thị Liên Hương	Kế toán trưởng	Ngày 27/8/2025
<b>Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:</b>		
Ông Nguyễn Văn Vĩ	Chủ tịch HĐQT	Ngày 10/5/2025
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Chủ tịch HĐQT	Ngày 10/5/2025

**4. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

*Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Văn Việt

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: C1225662-R/MOORE AISC-DN3

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn** tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC**

**Phạm mặt và đại diện**



**Đoàn Nguyễn Minh Tâm**

**Giám đốc Kiểm toán**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 4277-2023-005-1

**Hà Nguyễn Hoàng Nhân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 5908-2023-005-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.579.957.589</b>	<b>25.398.502.777</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.194.118.507</b>	<b>5.267.065.654</b>
1. Tiền	111		2.694.118.507	2.767.065.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	2.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.003.696</b>	<b>34.314.327</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	1.620.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	40.688.320	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	64.315.376	32.694.327
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>16.977.950.872</b>	<b>20.091.744.340</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.977.950.872	20.091.744.340
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>302.884.514</b>	<b>5.378.456</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	99.647.144	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10b	203.237.370	5.378.456
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>626.645.668</b>	<b>713.680.190</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>626.645.668</b>	<b>713.680.190</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	626.645.668	713.680.190
- Nguyên giá	222		12.979.974.321	12.929.048.395
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.353.328.653)	(12.215.368.205)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		138.612.500	138.612.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.612.500)	(138.612.500)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>29.206.603.257</b>	<b>26.112.182.967</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.665.496.391</b>	<b>2.881.990.807</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.365.496.391</b>	<b>2.881.990.807</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	2.627.289.703	1.290.532.583
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	60.653.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V10.a	898.253.397	522.878.046
4. Phải trả người lao động	314		1.677.198.340	921.837.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		25.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	44.037.200	17.954.250
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.064.751	128.788.928
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>300.000.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	300.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.541.106.866</b>	<b>23.230.192.160</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.12</b>	<b>23.541.106.866</b>	<b>23.230.192.160</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.149.000.000	19.149.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.149.000.000	19.149.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.500.000.000	1.500.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		735.864.629	735.864.629
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.156.242.237	1.845.327.531
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		121.917.531	439.377.444
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.034.324.706	1.405.950.087
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>29.206.603.257</b>	<b>26.112.182.967</b>

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Bùi Sĩ Tiên



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Vĩ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37.085.384.953	36.894.570.007
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	37.085.384.953	36.894.570.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	24.010.195.368	23.329.571.307
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>13.075.189.585</b>	<b>13.564.998.700</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	270.883.608	58.871.674
7. Chi phí tài chính	22		13.603.771	1.141.719
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	366.785.799	197.408.536
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.201.503.419	11.429.784.346
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>2.764.180.204</b>	<b>1.995.535.773</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	65.652.693	26.685.093
12. Chi phí khác	32	VI.8	70.116.637	1.373.464
<b>13. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>(4.463.944)</b>	<b>25.311.629</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>2.759.716.260</b>	<b>2.020.847.402</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	627.425.731	458.680.639
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>2.132.290.529</b>	<b>1.562.166.763</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.062	734
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.062	734

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Bùi Sĩ Tiên

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Chủ tịch Hội đồng Quản trị


  
 Nguyễn Văn Vĩ

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		37.498.160.819	38.323.907.329
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10.916.579.535)	(11.871.092.686)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.788.630.400)	(13.682.353.536)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.10	(356.136.043)	(716.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.025.212.316	1.897.746.294
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(8.041.696.891)	(9.671.536.309)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.420.330.266</b>	<b>4.280.671.092</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(50.925.926)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	23.000.000
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		252.213.113	58.776.227
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>201.287.187</b>	<b>81.776.227</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.694.564.600)	(1.342.645.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.694.564.600)</b>	<b>(1.342.645.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.927.052.853</b>	<b>3.019.801.919</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.267.065.654</b>	<b>2.247.263.735</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11.194.118.507</b>	<b>5.267.065.654</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng

Bùi Sĩ Tiến

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Văn Vĩ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

## 1. Thành lập

Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300520465 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 4 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 02 năm 2026.

## Hình thức sở hữu vốn

Công ty là công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SAIGON OPTIC COMPANY.

Tên viết tắt: SAIGON OPTIC CO.

Trụ sở chính: 86-90 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

## 3. Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh mắt kính và dụng cụ quang học về mắt.

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

## 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

## 6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 67 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 77 nhân viên)

## 7. Cấu trúc doanh nghiệp

## 7.1. Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn - Cửa hàng Mắt kính Sài Gòn	Số 261 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn - Cửa hàng Mắt kính Sài Gòn	Số 86- 90 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn - Cửa hàng Mắt kính Sài Gòn	Số 46- 48 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn - Cửa hàng Mắt kính Sài Gòn	Số 535 – 537 Trần Hưng Đạo B, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

## 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm tài chính tương ứng.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

## 1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2026/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh**

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)****Nguyên tắc xác định tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính**

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2025: 26.110 VND/USD;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2025: 26.377 VND/USD.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**Dự phòng phải thu khó đòi** được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán;

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Thành phẩm:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo phương pháp thực tế đích danh.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kiểm kê định kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. (Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.)

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****6.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**6.2. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**6.3. Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 21 năm
Máy móc, thiết bị	7 - 23 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	23 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản cố định vô hình	Thời hạn tối đa 20 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Nợ phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần:** Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: tiền lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**Tiền lãi** được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm, không ghi giảm doanh thu.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành** là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: Tất cả lĩnh vực hoạt động kinh doanh hưởng mức thuế suất 20%.

**13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Bên liên quan**

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết;

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**15. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Tiền</b>	<b>2.694.118.507</b>	<b>2.767.065.654</b>
Tiền mặt	127.400.815	655.653.968
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.566.717.692	2.111.411.686
Tiền VND		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	89.086.105	533.332.615
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	2.477.631.587	1.576.207.537
Tiền USD		
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	1.871.534
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng (*)	8.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.194.118.507</b>	<b>5.267.065.654</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn cuối năm là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Á Châu kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nhà cung cấp trong nước				
+ Công ty TNHH Ánh Sao Việt Nam	32.188.320	-	-	-
+ Các nhà cung cấp khác	8.500.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>40.688.320</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
3. Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	23.000.000	-	6.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	12.725.773	-	12.725.773	-
Phải thu khác	28.589.603	-	13.468.554	-
<b>Cộng</b>	<b>64.315.376</b>	<b>-</b>	<b>32.694.327</b>	<b>-</b>
4. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.800.370.060	-	19.915.562.165	-
Công cụ, dụng cụ	176.589.772	-	176.147.525	-
Chi phí SXKD dở dang	34.650	-	34.650	-
Hàng hoá	956.390	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>16.977.950.872</b>	<b>-</b>	<b>20.091.744.340</b>	<b>-</b>
5. Chi phí trả trước ngắn hạn			31/12/2025	01/01/2025
	Công cụ, dụng cụ xuất dùng		92.072.144	-
Các khoản khác			7.575.000	-
<b>Cộng</b>			<b>99.647.144</b>	<b>-</b>

6. Tài sản cố định hữu hình (xem trình bày trang 25)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng. Nguyên giá là 138.612.500 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước				
+ Công ty TNHH Thương mại Một Không Một	1.563.003.152	1.563.003.152	574.212.583	574.212.583
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Khang Phúc	363.507.496	363.507.496	560.007.500	560.007.500
+ Các nhà cung cấp khác	495.104.397	495.104.397	156.312.500	156.312.500
Nhà cung cấp nước ngoài				
+ Blue Ribbon Optics (7.797,5 USD)	205.674.658	205.674.658	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.627.289.703</b>	<b>2.627.289.703</b>	<b>1.290.532.583</b>	<b>1.290.532.583</b>
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			31/12/2025	01/01/2025
Khách hàng trong nước			60.653.000	-
<b>Cộng</b>			<b>60.653.000</b>	<b>-</b>
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2025
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm		
a. Phải nộp				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	491.204.963	2.966.830.047	2.854.792.035	603.242.975
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	170.263.656	170.263.656	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	68.653.953	68.653.953	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	622.047.275	356.136.043	265.911.232
Thuế thu nhập cá nhân	31.673.083	306.286.521	308.860.414	29.099.190
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.201.682.007	2.201.682.007	-
<b>Cộng</b>	<b>522.878.046</b>	<b>6.335.763.459</b>	<b>5.960.388.108</b>	<b>898.253.397</b>
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.378.456	5.378.456	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa	-	-	203.237.370	203.237.370
<b>Cộng</b>	<b>5.378.456</b>	<b>5.378.456</b>	<b>203.237.370</b>	<b>203.237.370</b>

**Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

**Mức thuế suất**

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho mặt hàng kính thuốc, tròng, gọng...

**10%**

Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT đối với một số hàng hóa, dịch vụ từ 10% xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và theo Nghị định 174/2025/NĐ-CP áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>4. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.914.900	1.914.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.914.900	1.914.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.914.900	1.914.900
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.914.900	1.914.900
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000
<b>5. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Quỹ đầu tư phát triển	735.864.629	735.864.629
<b>Cộng</b>	<b>735.864.629</b>	<b>735.864.629</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2025	Năm 2024
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	37.085.384.953	36.894.570.007
<b>Cộng</b>	<b>37.085.384.953</b>	<b>36.894.570.007</b>
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	37.085.384.953	36.894.570.007
<b>Cộng</b>	<b>37.085.384.953</b>	<b>36.894.570.007</b>
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	24.010.195.368	23.329.571.307
<b>Cộng</b>	<b>24.010.195.368</b>	<b>23.329.571.307</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	269.901.990	58.776.227
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	981.618	95.447
<b>Cộng</b>	<b>270.883.608</b>	<b>58.871.674</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí cho nhân viên	135.231.245	-
Chi phí vật liệu, bao bì	73.252.145	76.070.920
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.638.889	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.663.520	120.707.956
Các chi phí khác	2.000.000	629.660
<b>Cộng</b>	<b>366.785.799</b>	<b>197.408.536</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2025	Năm 2024
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí cho nhân viên	5.015.902.603	4.586.113.703
Chi phí vật liệu quản lý	-	8.088.803
Chi phí đồ dùng văn phòng	183.750.451	88.160.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.301.730	115.179.816
Thuế, phí và lệ phí	2.233.206.650	4.851.581.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	628.800.606	576.864.899
Các chi phí khác	2.022.541.379	1.203.795.203
<b>Cộng</b>	<b>10.201.503.419</b>	<b>11.429.784.346</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	23.000.000
Hàng tặng	65.573.750	-
Thu nhập khác	78.943	3.685.093
<b>Cộng</b>	<b>65.652.693</b>	<b>26.685.093</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Phạt do vi phạm hành chính	70.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	87.896	1.373.464
Chi phí khác	28.741	-
<b>Cộng</b>	<b>70.116.637</b>	<b>1.373.464</b>
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.369.568.653	12.353.760.676
Chi phí nhân công	16.836.267.710	15.594.375.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.960.448	158.671.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	761.464.126	697.572.855
Chi phí khác bằng tiền	4.473.223.649	6.152.383.149
<b>Cộng</b>	<b>34.578.484.586</b>	<b>34.956.764.189</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
	Năm 2025	Năm 2024
<b>1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.759.716.260</b>	<b>2.020.847.402</b>
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
2.1. Các khoản điều chỉnh tăng (do chi phí không hợp lý)	377.412.394	272.555.794
<b>3. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>3.137.128.654</b>	<b>2.293.403.196</b>
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>5. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>627.425.731</b>	<b>458.680.639</b>
<b>6. Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>627.425.731</b>	<b>458.680.639</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.132.290.529	1.562.166.763
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(97.965.823)	(156.216.676)
- Các khoản điều chỉnh giảm (Quỹ khen thưởng, phúc lợi)	(97.965.823)	(156.216.676)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.034.324.706	1.405.950.087
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm	1.914.900	1.914.900
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.062</b>	<b>734</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.062</b>	<b>734</b>

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty hiện đang thuê đất để kinh doanh tại các mặt bằng sau:

- Số 46-48 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam (thuê đất trả tiền hàng năm). Thời hạn thuê đất: đến hết 03/4/2050 và Công ty đang làm văn phòng và cửa hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm mắt kính.

- Số 86-90 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam (thuê đất trả tiền hàng năm). Đơn giá thuê đất được điều chỉnh 5 năm/ lần hoặc khi có thông báo của Cơ quan Nhà nước. Thời hạn thuê đất: đến hết 31/12/2050 và Công ty đang làm cửa hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm mắt kính.

- Số 535 – 537 Trần Hưng Đạo B, Phường Chợ Lớn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam (thuê đất trả tiền hàng năm). Đơn giá thuê đất được điều chỉnh 5 năm/ lần hoặc khi có thông báo của Cơ quan Nhà nước. Thời hạn thuê đất: đến hết 31/12/2020 và Công ty đang làm hợp đồng xin gia hạn thời gian thuê đất, đang làm cửa hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm mắt kính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt****3a.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3a.2. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thành viên chủ chốt	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Năm 2025	Năm 2024
<b>Hội đồng Quản trị</b>			<b>400.900.000</b>	<b>356.890.000</b>
<i>Giữ chức vụ từ tháng 1/2025 đến tháng 5/2025</i>				
Nguyễn Tuấn Nhã	Chủ tịch kiêm người ĐDPL	Thù lao	34.600.000	74.960.000
Lưu Thị Nhung	Phó Chủ tịch	Thù lao	28.100.000	78.650.000
Huỳnh Tiến Long	Thành viên	Thù lao	31.600.000	67.760.000
Trần Thị Huyền	Thành viên	Thù lao	31.600.000	67.760.000
Đỗ Thị Trang	Thành viên	Thù lao	24.200.000	67.760.000
Trần Thị Liên Hương	Thành viên	Thù lao	17.700.000	-
<i>Giữ chức vụ từ tháng 5/2025 đến tháng 12/2025</i>				
Nguyễn Văn Vĩ	Chủ tịch kiêm người ĐDPL	Thù lao	56.000.000	-
Trần Đức Thắng	Phó Chủ tịch	Thù lao	45.500.000	-
Lê Thị Kiều	Thành viên	Thù lao	39.200.000	-
Nguyễn Thị Hiểu	Thành viên	Thù lao	39.200.000	-
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Thù lao	39.200.000	-
Cao Mai Anh	Thư ký HĐQT	Thù lao	14.000.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			<b>197.800.000</b>	<b>203.280.000</b>
<i>Giữ chức vụ từ tháng 1/2025 đến tháng 5/2025</i>				
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban	Thù lao	24.200.000	67.760.000
<i>Giữ chức vụ từ tháng 5/2025 đến tháng 12/2025</i>				
Nguyễn Bạch Phượng	Trưởng ban	Thù lao	67.200.000	67.760.000
Lê Tấn Cường	Thành viên	Thù lao	67.200.000	67.760.000
Thái Thùy Trang	Thành viên	Thù lao	39.200.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			<b>1.392.275.000</b>	<b>873.918.000</b>
Nguyễn Văn Vĩ	Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	348.400.000	-
Lê Thị Kiều	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	180.000.000	-
Lưu Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	240.000.000	461.037.000
Nguyễn Tuấn Nhã	Phó Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	323.875.000	280.577.000
Trần Thị Liên Hương	Kế toán trưởng tiền nhiệm	Lương và thưởng	200.000.000	132.304.000
Bùi Sĩ Tiến	Kế toán trưởng đương nhiệm	Lương và thưởng	100.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>1.990.975.000</b>	<b>1.434.088.000</b>

**3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực mua bán các dụng cụ quang học về mắt và kinh doanh trong một khu vực địa lý Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

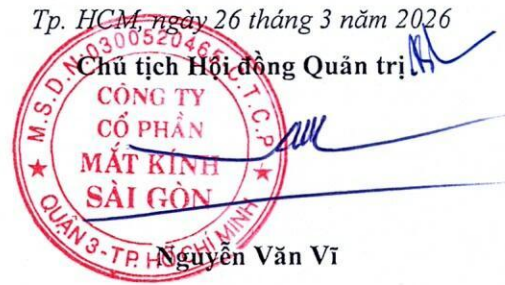
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

Kê toán trưởng

Bùi Sĩ Tiên

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Văn VI



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.6. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6.506.699.184	5.340.380.121	993.863.636	88.105.454	<b>12.929.048.395</b>
<i>Mua trong năm</i>	-	50.925.926	-	-	<b>50.925.926</b>
Số dư cuối năm	6.506.699.184	5.391.306.047	993.863.636	88.105.454	<b>12.979.974.321</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	5.844.093.474	5.319.721.403	993.863.636	57.689.692	<b>12.215.368.205</b>
<i>Khấu hao trong năm</i>	106.016.904	22.780.632	-	9.162.912	<b>137.960.448</b>
Số dư cuối năm	5.950.110.378	5.342.502.035	993.863.636	66.852.604	<b>12.353.328.653</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	662.605.710	20.658.718	-	30.415.762	<b>713.680.190</b>
Số dư cuối năm	556.588.806	48.804.012	-	21.252.850	<b>626.645.668</b>

\* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.232.811.190 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V.12. Vốn chủ sở hữu****1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>19.149.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>735.864.629</b>	<b>822.357.444</b>	<b>22.207.222.073</b>
Lợi nhuận	-	-	-	1.562.166.763	1.562.166.763
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	-	-	(156.216.676)	(156.216.676)
Chi trả cổ tức năm 2023	-	-	-	(382.980.000)	(382.980.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>19.149.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>735.864.629</b>	<b>1.845.327.531</b>	<b>23.230.192.160</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>19.149.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>735.864.629</b>	<b>1.845.327.531</b>	<b>23.230.192.160</b>
Lợi nhuận	-	-	-	2.132.290.529	2.132.290.529
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	-	-	-	(97.965.823)	(97.965.823)
Chi trả cổ tức năm 2024	-	-	-	(1.723.410.000)	(1.723.410.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>19.149.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>735.864.629</b>	<b>2.156.242.237</b>	<b>23.541.106.866</b>

